

Môn học : Tiếng Nhật B1 tăng cường
Khoa :
Ngày thi : 04.07.2024

Mã môn học: FLF1612
Khoá:

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	MÃ MÔN HỌC	Điểm thi 60%	Kết quả môn học			Kết luận
							TP1	TP2	TP3	
1	23040229	Nguyễn Minh Anh	29.9.2005	QH.2023.F.1.E9.NN4	FLF1612					
2	23040236	Nguyễn Tuấn Hoàng Anh	14.4.2005	QH.2023.F.1.E6.NN5	FLF1612					
3	23040233	Nguyễn Phương Anh	8.4.2005	QH.2023.F.1.E5.NN5	FLF1612					
4	23040252	Trần Duy Anh	29.11.2005	QH.2023.F.1.E5.NN5	FLF1612					
5	23040254	Trần Quách Quỳnh Anh	21.11.2005	QH.2023.F.1.E20.NN3	FLF1612					
6	23040211	Đỗ Thị Quỳnh Anh	13.11.2005	QH.2023.F.1.E21.NN3	FLF1612					
7	23040225	Nguyễn Huyền Anh	29.3.2005	QH.2023.F.1.E3.NN5	FLF1612					
8	23040251	Tổng Đình Việt Anh	7.5.2005	QH.2023.F.1.E4.NN5	FLF1612					
9	23040260	Nguyễn Thị Minh Ánh	18.1.2005	QH.2023.F.1.E12.NN4	FLF1612					
10	23040015	Nguyễn Đức Thiên Bảo	9.5.2005	QH.2023.F.1.E1.SP5CLC	FLF1612					
11	23040264	Lê Vũ Gia Bảo	9.2.2005	QH.2023.F.1.E13.NN4	FLF1612					
12	23040267	Nguyễn Trần Đình Cao	3.5.2005	QH.2023.F.1.E19.NN3	FLF1612					
13	23040332	Nguyễn Hải Đăng	17.4.2005	QH.2023.F.1.E12.NN4	FLF1612					
14	20041407	Phạm Minh Đăng	8.12.1999	QH.2020.F.1.E8.NN23	FLF1612					
15	23040334	Hoàng Trung Đức	30.3.2005	QH.2023.F.1.E6.NN5	FLF1612					
16	23040028	Nguyễn Trung Đức	17.12.2005	QH.2023.F.1.E3.SP5	FLF1612					
17	23040301	Nguyễn Thùy Dung	11.9.2005	QH.2023.F.1.E18.NN3	FLF1612					
18	23040320	Lê Thị Thùy Dương	16.10.2005	QH.2023.F.1.E6.NN5	FLF1612					
19	23040307	Đình Phúc Duy	23.11.2005	QH.2023.F.1.E12.NN4	FLF1612					
20	23040315	Trần Thị Mỹ Duyên	7.3.2005	QH.2023.F.1.E10.NN4	FLF1612					
21	23040353	Vũ Lương Thái Hà	21.8.2005	QH.2023.F.1.E4.NN5	FLF1612					
22	23040350	Phạm Quang Hà	15.10.2005	QH.2023.F.1.E13.NN4	FLF1612					
23	23040033	Đỗ Lê Hải	16.2.2005	QH.2023.F.1.E1.SP5CLC	FLF1612					
24	23040034	Nguyễn Thu Hiền	25.8.2005	QH.2023.F.1.E15.SP3	FLF1612					
25	23040037	Lương Chí Hiếu	2.2.2005	QH.2023.F.1.E1.SP5CLC	FLF1612					
26	23040383	Ngô Thanh Hòa	7.5.2005	QH.2023.F.1.E16.NN3	FLF1612					
27	23040384	Nguyễn Duy Hòa	15.9.2005	QH.2023.F.1.E6.NN5	FLF1612					
28	23040388	Đỗ Đoàn Hồng	9.4.2005	QH.2023.F.1.E18.NN3	FLF1612					
29	23040390	Nguyễn Thị Hợp	30.11.2005	QH.2023.F.1.E20.NN3	FLF1612					
30	23040042	Nguyễn Phúc Hưng	13.5.2004	QH.2023.F.1.E1.SP5CLC	FLF1612					
31	23040413	Nguyễn Tuấn Hưng	23.3.2005	QH.2023.F.1.E5.NN5	FLF1612					
32	23040416	Ngô Thu Hương	13.11.2005	QH.2023.F.1.E3.NN5	FLF1612					
33	23040397	Đỗ Ngọc Huyền	8.12.2005	QH.2023.F.1.E5.NN5	FLF1612					
34	23040400	Nguyễn Diệu Huyền	7.10.2005	QH.2023.F.1.E6.NN5	FLF1612					
35	23040409	Trần Thị Thu Huyền	28.4.2005	QH.2023.F.1.E18.NN3	FLF1612					

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	MÃ MÔN HỌC	Điểm thi 60%	Kết quả môn học			Kết luận
								TP1	TP2	TP3	
36	23040425	Nguyễn Mai	Khanh	16.2.2005	QH.2023.F.1.E6.NN5	FLF1612					
37	23040428	Phạm Duy	Khánh	9.3.2005	QH.2023.F.1.E7.NN5	FLF1612					
38	23040454	Nguyễn Diệu	Linh	3.12.2005	QH.2023.F.1.E3.NN5	FLF1612					
39	23040456	Nguyễn Khánh	Linh	2.4.2005	QH.2023.F.1.E9.NN4	FLF1612					
40	23040458	Nguyễn Lê Bảo	Linh	11.6.2005	QH.2023.F.1.E4.NN5	FLF1612					
41	23040467	Phạm Mai	Linh	2.10.2005	QH.2023.F.1.E7.NN5	FLF1612					
42	23040470	Phùng Phương	Linh	12.11.2005	QH.2023.F.1.E14.NN4	FLF1612					
43	23040476	Trần Thị Duy	Linh	26.6.2005	QH.2023.F.1.E5.NN5	FLF1612					
44	23040074	Đỗ Thị Thu	Minh	29.5.2005	QH.2023.F.1.E3.SP5	FLF1612					
45	18040602	Phạm Ngọc	Minh	13.7.2000	QH.2018.F.1.E17.QTH	FLF1612					
46	23040512	Lương Trà	My	14.9.2005	QH.2023.F.1.E11.NN4	FLF1612					
47	23040518	Đỗ Văn Hoài	Nam	10.8.2005	QH.2023.F.1.E6.NN5	FLF1612					
48	23040568	Trần Xuân	Nam	17.3.2005	QH.2023.F.1.E7.NN5	FLF1612					
49	23040529	Nguyễn Quỳnh	Ngân	7.1.2005	QH.2023.F.1.E10.NN4	FLF1612					
50	23040532	Đặng Hữu	Nghĩa	20.6.2005	QH.2023.F.1.E16.NN3	FLF1612					
51	23040541	Nguyễn Bảo	Ngọc	14.11.2005	QH.2023.F.1.E14.NN4	FLF1612					
52	23040549	Lương Thảo	Nguyên	11.2.2005	QH.2023.F.1.E3.NN5	FLF1612					
53	23040558	Vũ Thị Ánh	Nhân	13.10.2005	QH.2023.F.1.E5.NN5	FLF1612					
54	23040567	Lò Yến	Nhi	7.9.2005	QH.2023.F.1.E18.NN3	FLF1612					
55	23040571	Nguyễn Thị Diệu	Nhi	24.8.2005	QH.2023.F.1.E11.NN4	FLF1612					
56	23040587	Vũ Thị Lâm	Oanh	13.3.2005	QH.2023.F.1.E16.NN3	FLF1612					
57	23040593	Hoàng Tài	Phúc	12.2.2005	QH.2023.F.1.E5.NN5	FLF1612					
58	23040606	Trần Hà	Phương	23.11.2005	QH.2023.F.1.E3.NN5	FLF1612					
59	23040612	Lê Thiều	Quân	30.1.2005	QH.2023.F.1.E12.NN4	FLF1612					
60	23040611	Lùng Vinh	Quang	1.12.2005	QH.2023.F.1.E11.NN4	FLF1612					
61	23040623	Lê Thành	Tài	2.2.2005	QH.2023.F.1.E13.NN4	FLF1612					
62	23040625	Nguyễn Phạm Thanh	Tâm	10.8.2005	QH.2023.F.1.E13.NN4	FLF1612					
63	23040626	Phạm Trương Tuệ	Tâm	2.10.2005	QH.2023.F.1.E14.NN4	FLF1612					
64	23040670	Dương Quang	Thắng	29.5.2005	QH.2023.F.1.E5.NN5	FLF1612					
65	23040648	Nguyễn Thị Hương	Thanh	5.1.2005	QH.2023.F.1.E17.NN3	FLF1612					
66	23040654	Đình Trần Nguyên	Thảo	6.9.2005	QH.2023.F.1.E7.NN5	FLF1612					
67	23040666	Trịnh Phương	Thảo	8.2.2005	QH.2023.F.1.E9.NN4	FLF1612					
68	23040682	Nguyễn Thị	Thu	20.1.2005	QH.2023.F.1.E5.NN5	FLF1612					
69	23040678	Đình Hương	Thu	17.10.2005	QH.2023.F.1.E12.NN4	FLF1612					
70	23040681	Nguyễn Thị Thanh	Thu	28.11.2005	QH.2023.F.1.E13.NN4	FLF1612					
71	23040702	Phan Anh	Thư	25.5.2005	QH.2023.F.1.E11.NN4	FLF1612					
72	23040108	Dương Thị Lệ	Thương	26.1.2005	QH.2023.F.1.E2.SP5	FLF1612					
73	23040689	Bùi Thu	Thúy	22.3.2005	QH.2023.F.1.E18.NN3	FLF1612					
74	23040628	Lê Trương Thủy	Tiên	2.9.2005	QH.2023.F.1.E5.NN5	FLF1612					

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	MÃ MÔN HỌC	Điểm thi 60%	Kết quả môn học			Kết luận
								TP1	TP2	TP3	
75	22040325	Hoàng Bảo	Trâm	14.10.2004	QH.2022.F.1.E15.NN5	FLF1612					
76	23040719	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23.1.2005	QH.2023.F.1.E10.NN4	FLF1612					
77	23040711	Hoàng Mai	Trang	2.7.2005	QH.2023.F.1.E18.NN3	FLF1612					
78	23040714	Nguyễn Huyền	Trang	23.3.2005	QH.2023.F.1.E9.NN4	FLF1612					
79	23040721	Nguyễn Thị Thu	Trang	9.5.2005	QH.2023.F.1.E18.NN3	FLF1612					
80	23040738	Hà Đức	Trung	9.9.2005	QH.2023.F.1.E7.NN5	FLF1612					
81	23040636	Phạm Anh	Tú	17.7.2005	QH.2023.F.1.E5.NN5	FLF1612					
82	23040640	Đặng Hoàng	Tuấn	3.4.2005	QH.2023.F.1.E23.NN3	FLF1612					
83	23040751	Nguyễn Đức	Việt	2.2.2005	QH.2023.F.1.E6.NN5	FLF1612					
84	23040117	Chu Thị	Vinh	18.10.2005	QH.2023.F.1.E15.SP3	FLF1612					
85	23040752	Đoàn Trọng	Vinh	6.10.2005	QH.2023.F.1.E12.NN4	FLF1612					
86	23040755	Nguyễn Minh	Vũ	6.9.2005	QH.2023.F.1.E7.NN5	FLF1612					
87	23040765	Vũ Hoa	Vy	2.10.2005	QH.2023.F.1.E12.NN4	FLF1612					
88	23040761	Nguyễn Thị Yên	Vy	11.6.2005	QH.2023.F.1.E4.NN5	FLF1612					

Danh sách có: sinh viên

Người vào điểm: Nguyễn Hương Giang

Người kiểm tra: Nguyễn Thu Hồng

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO